

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 775 /UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 3 năm 2013

V/v chấp thuận danh
mục yêu cầu tài trợ
ODA

Kính gửi:

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 1502
	Ngày: 11/3/2013
	Chuyên:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thành phố.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 121/SKHĐT-KTĐN ngày 31/01/2013 về việc đề nghị chấp thuận danh mục yêu cầu tài trợ ODA, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý danh mục dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất yêu cầu tài trợ ODA (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Căn cứ vào danh mục được UBND tỉnh chấp thuận tại khoản 1 của Công văn này, các chủ dự án xây dựng Đề cương chi tiết dự án Hỗ trợ kỹ thuật (phụ lục 2a) và dự án đầu tư (phụ lục 2b) theo mẫu tại Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Lưu ý một số trường hợp:

- Đối với các dự án hồ chứa nước, đập dâng, đê kè chống sạt lở thuộc lĩnh vực nông nghiệp, UBND các huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ dự án, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đại diện các chủ dự án xây dựng Đề cương chi tiết.

- Đối với các dự án nâng cấp đường giao thông các huyện miền núi, các huyện đồng bằng, giao cho các huyện cử 01 huyện làm đại diện để xây dựng Đề cương chi tiết.

- Đối với dự án đầu tư CSHT và đảm bảo an sinh xã hội cho các xã ven biển huyện Mộ Đức và Đức Phổ bị ngập nước, giao UBND huyện Mộ Đức làm đại diện xây dựng Đề cương chi tiết.

- Đối với Dự án Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt nhỏ cho các xã, thị tứ, thị trấn, giao UBND từng huyện tự xây dựng Đề cương chi tiết cho dự án của địa phương mình.

3. Các Chủ dự án có văn bản kèm theo 08 Đề cương chi tiết bằng tiếng Việt và tiếng Anh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 31/3/2013* để trình UBND tỉnh đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan, các Nhà tài trợ.

4. Trong quá trình thực hiện giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh loại bỏ những dự án đã được đầu tư bằng các nguồn vốn khác; các dự án không khả thi,... đồng thời tham mưu UBND tỉnh bổ sung những dự án mới có nhu cầu sử dụng ODA; những dự án đã được các nhà tài trợ chấp thuận mà chưa có trong danh mục này.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện./.

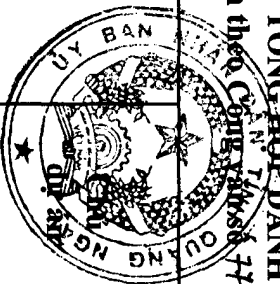
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UB: C, PVP, các phòng KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, pKT(Lesang79).

CHỦ TỊCH

Cao Khoa

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KÊU GỌI TÀI TRỢ ODA
(Kèm theo Công văn số 775/UBND-KTTH ngày 08 tháng 3 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Chương trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)			Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu USD)			
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						Vốn ODA	Vốn trong nước		Vốn ODA	Vốn trong nước	
	TỔNG SỐ				27.782	24.093	3.689	1.335,7	1.158,3	177,4	
I	HẠ TÀNG ĐÔ THỊ				5.370	4.750	620	258,2	228,4	29,8	
1	Hạ tầng đô thị TP Quảng Ngãi mở rộng	UBND TP Quảng Ngãi	Đa mục tiêu	2012-2015	1.500	1.350	150	72,1	64,9	7,2	
2	Hạ tầng thị xã Đức Phổ	UBND huyện Đức Phổ	Đa mục tiêu	2012-2015	1.000	900	100	48,1	43,3	4,8	
3	Hạ tầng Trung tâm huyện lỵ mới Sơn Tịnh	UBND huyện Sơn Tịnh	Đa mục tiêu	2013-2017	2.500	2.200	300	120,2	105,8	14,4	
4	Đường và Kè chống sạt lở bờ Nam sông Trà Khúc (đoạn từ cầu Trường Xuân - Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	UBND TP Quảng Ngãi	1,4 km	2012-2015	150	100	50	7,2	4,8	2,4	
5	Hạ tầng đô thị Thị trấn Châu Ổ	UBND huyện Bình Sơn	Đa mục tiêu	2012-2015	220	200	20	10,6	9,6	1,0	
II	NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT				4.576	3.954	622	220,0	190,1	29,9	
6	Dự án Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đa mục tiêu	2012-2017	468	374	94	22,5	18,0	4,5	
7	Đầu tư, nâng cấp hệ thống hồ chứa nước phòng tránh lũ	UBND các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện	32 hồ chứa, tưới 2500 ha	2012-2015	458	390	68	22,0	18,8	3,3

TT	Chương trình, dự án	Chủ dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)			Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu USD)		
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
							Vốn ODA	Vốn trong nước		Vốn ODA	Vốn trong nước
8	Đầu tư, nâng cấp hệ thống đập dâng phòng tránh lũ	UBND các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện	41 đập dâng, tưới 2.300 ha	2012-2015	565	460	105	27,2	22,1	5,0
9	Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê, kè chống sạt lở, giảm nhẹ thiên tai	UBND các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện	13 công trình; 42 km	2012-2015	1.615	1.450	165	77,6	69,7	7,9
10	Đầu tư, nâng cấp khu trú bão và neo đậu tàu thuyền	UBND các huyện, Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện	5 khu trú bão; 30 ha	2012-2015	830	700	130	39,9	33,7	6,3
11	Nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng về phòng tránh thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu cho các xã vùng đồng bằng thường xuyên ngập lụt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, TP Quảng Ngãi	Nâng cao nhận thức, hỗ trợ xây dựng kế hoạch phòng tránh thiên tai cấp hộ gia đình, hỗ trợ một số trang thiết bị	2012 - 2015	22	20	2	1,1	1,0	0,1
12	Xây dựng nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai cho nhân dân vùng thường xuyên ngập lụt	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các xã vùng hạ du các sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà cầu, sông Thoá	Nhà 02 tầng: Diện tích sàn từ 200 - 300 m ² ; sức chứa từ 300 - 500 người và các hệ thống phụ trợ	2012 - 2015	418	380	38	20,1	18,3	1,8

TT	Chương trình, dự án	Chủ dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)			Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu USD)		
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
							Vốn ODA	Vốn trong nước		Vốn ODA	Vốn trong nước
13	Kè chống sạt lở trung tâm huyện Lý Sơn Tây	UBND huyện Sơn Tây	Sơn Tây	4,5 km	2012 - 2015	200	180	20	9,6	8,7	1,0
III NGÀNH Y TẾ						721	641	80	34,7	30,8	3,8
14	Trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Sở Y tế	TP Quảng Ngãi	Nhà cấp III, diện tích 900 m ²	2012-2015	84	69	15	4,0	3,3	0,7
15	Bệnh viện Y học Dân tộc	Sở Y tế	TP Quảng Ngãi	10 trạm y tế chuẩn	2012-2015	165	150	15	7,9	7,2	0,7
16	Đầu tư Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, thành phố	Sở Y tế	TP Quảng Ngãi	10 Trung tâm	2012-2015	87	72	15	4,2	3,5	0,7
17	Bệnh viện Sản nhi	Sở Y tế	TP Quảng Ngãi	350 giường	2012-2015	385	350	35	18,5	16,8	1,7
IV NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						220	200	20	10,6	9,6	1,0
18	Cùng cố, mở rộng và nâng cấp các Trường Dân tộc Nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các huyện	07 Trường	2012-2015	110	100	10	5,3	4,8	0,5
19	Trường THPT chuyên Lê Khiết	Sở Giáo dục và Đào tạo	TP Quảng Ngãi	Đa mục tiêu	2012-2015	110	100	10	5,3	4,8	0,5
V NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						1.219	998	221	58,6	48,0	10,6
20	Dự án đầu tư CSHT và đảm bảo an sinh xã hội cho các xã ven biển bị ngập nước	UBND huyện Mộ Đức và Đức Phổ	Mộ Đức và Đức Phổ	11 xã; diện tích 202,5 km ² ; Tỷ lệ hộ nghèo vùng dự án là 19,76%	2012-2014	250	220	30	12,0	10,6	1,4
21	Đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến huyện Lý Sơn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Lý Sơn		2012-2015	10	8	2	0,5	0,4	0,1

TT	Chương trình, dự án	Chủ dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)			Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu USD)		
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
							Vốn ODA	Vốn trong nước		Vốn ODA	Vốn trong nước
22	Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với BĐKH, phát triển hạ tầng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sơn Tịnh	4 km	2012-2015	189	130	59	9,1	6,3	2,9
23	Xử lý môi trường 02 Hồ Điều hòa Nghĩa Chánh và Bầu Cả	UBND thành phố	TP Quảng Ngãi	7,2 ha	2012-2015	150	120	30	7,2	5,8	1,4
24	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	30 tấn/ngày	2012-2015	140	120	20	6,7	5,8	1,0
25	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Đức Phổ	UBND huyện Đức Phổ	Đức Phổ	30 tấn/ngày	2012-2015	140	120	20	6,7	5,8	1,0
26	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức	Mộ Đức	30 tấn/ngày	2012-2015	140	120	20	6,7	5,8	1,0
27	Cải tạo và gia cố kênh Tư Nghĩa	UBND TP Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	15,5 km	2012-2015	200	160	40	9,6	7,7	1,9
VI	CÁP VÀ THOÁT NƯỚC					110	100	10	5,3	4,8	0,5
28	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt nhỏ cho các xã, thị tứ, thị trấn	Các huyện	Các huyện	12 CT; 6000m3/ngày đêm	2012-2015	110	100	10	5,3	4,8	0,5
VII	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI					15.566	13.450	2.116	748,4	646,6	101,7
29	Đầu tư, nâng cấp các công trình giao thông kết nối	Sở Giao thông Vận tải	Các huyện	6 tuyến; 190km; 01 cầu dài 2,069 m	2012-2017	13.816	11.850	1.966	664,2	569,7	94,5
	Trong đó:								-	-	-
	Cầu Cửa Đại		Sơn Tịnh, Tư Nghĩa	4,8km, cầu dài 2.069m	2012-2017	4.000	3.500	500	192,3	168,3	24,0
	Đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II		Sơn Tịnh, Bình Sơn	15 km	2012-2016	3.000	2.500	500	144,2	120,2	24,0

TT	Chương trình, dự án	Chủ dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)			Tổng mức đầu tư dự kiến (Triệu USD)		
						Tổng số	Trong đó	Vốn trong nước	Tổng số	Trong đó	Vốn trong nước
30	Đầu tư nâng cấp hệ thống đường giao thông các huyện đồng bằng	UBND các huyện đồng bằng	Các huyện	12 tuyến; 55 km đường; 01 cầu dài 60 m cầu	2012-2015	650	600	50	31,3	28,8	2,4
31	Đầu tư nâng cấp hệ thống đường giao thông các huyện miền núi	UBND các huyện miền	Các huyện	12 tuyến; 100 km; 02 cầu 30 m	2012-2015	1.100	1.000	100	52,9	48,1	4,8